

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn.
- Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phường Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2025/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989; thường trú: Số A N, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là 179/4 N, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1976; thường trú: Số F, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là F, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2019 ngày 24/5/2019.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thanh M đã được tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/6/2025 và tham gia phiên tòa vào các ngày 27/6/2025, 04/7/2025 nhưng vắng mặt không lý do; nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thanh M có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2019 ngày 24/5/2019 tại Ủy ban nhân dân E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh M đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên anh M không đến làm việc cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của chị T, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Ngọc T xác định không có con chung với anh Nguyễn Thanh M nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Chi phí tố tụng về đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, chị T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T về tranh chấp ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh M [Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2019 ngày 24/5/2019 do Ủy ban nhân dân E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp (nay là Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp)].

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008102 ngày 17 tháng 04 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ hết vào số tiền đã đăng báo.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễn